SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2714/QĐ-BVNĐ2

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm "Cung cấp Thực phẩm cho bệnh nhân đang điều trị tại Bệnh viện Nhi Đồng 2 năm 2027"

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG 2

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 133/2025/QH15, Luật số 142/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ, Nghị định số 170/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ và Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 134/2026/TT-BTC ngày 09 tháng 09 năm 2026 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 4530/QĐ-SYT ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Nhi đồng 2 trực thuộc Sở Y tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hành chính Quản trị tại Tờ trình số 924/TTr-HCQT ngày 06 tháng 11 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm "Cung cấp Thực phẩm cho bệnh nhân đang điều trị tại Bệnh viện Nhi Đồng 2 năm 2027" cụ thể như sau:

1. Phê duyệt dự toán:

- Chủ đầu tư: Bệnh viện Nhi Đồng 2.

- Địa điểm thực hiện: Số 14 Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, TP. HCM.

- Nguồn vốn: Nguồn thu sự nghiệp, BHYT và các nguồn thu hợp pháp khác.

- Tổng giá trị dự toán sau thuế: **1.543.587.800 VND** (*Bằng chữ: Một tỷ năm trăm bốn mươi ba triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn tám trăm đồng).*

- Danh mục mua sắm: *Theo phụ lục 02 đính kèm.*

2. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Theo phụ lục 01 đính kèm.

Điều 2. Phòng Hành chính Quản trị tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu theo nội dung phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Phòng Hành chính Quản trị, phòng Tài chính kế toán và các cá nhân, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HCQT (NMTT, 3b).

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG 2

Trịnh Hữu Tùng

BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG 2
PHÒNG HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục 1:

BẢNG TỔNG HỢP PHẦN CÔNG VIỆC THUỘC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định số 2714 /QĐ-BVNĐ2 ngày 16 tháng 11 năm 2026 của Bệnh viện Nhi Đồng 2)

Stt	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu								
1	Bệnh viện Nhi Đồng 2	Cung cấp Thực phẩm cho bệnh nhân đang điều trị tại Bệnh viện Nhi Đồng 2 năm 2027	Cung cấp Thực phẩm cho bệnh nhân đang điều trị tại Bệnh viện Nhi Đồng 2 năm 2027	1.543.587.800	Nguồn thu sự nghiệp, BHYT và các nguồn thu hợp pháp khác	Chào giá trực tuyến rút gọn	60 ngày	Quý IV năm 2026	Đơn giá cố định	12 tháng	Không áp dụng
Tổng giá trị gói thầu				**1.543.587.800 VND** (Bằng chữ: Một tỷ năm trăm bốn mươi ba triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn tám trăm đồng) , đã bao gồm thuế VAT							

BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG 2
PHÒNG HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục 2: DANH MỤC DỰ TOÁN CHI TIẾT

(Kèm theo Quyết định số 2714/QĐ-BVNĐ2 ngày 16 tháng 11 năm 2026 của Bệnh viện Nhi Đồng 2)

Đơn vị: đồng

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Xuất xứ của hàng hóa	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn giá đã bao gồm thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế VAT
I	**THỰC PHẨM TƯƠI SỐNG**	**Yêu cầu chung: thực phẩm cung cấp còn tươi sống, không ươn, không ôi thiu, không bị bệnh; không qua đông lạnh; không sử dụng thuốc tăng trọng, chất kích thích hoặc các chất phụ gia bị cấm khác; đảm bảo an toàn vệ sinh trong quá trình giết mổ, vận chuyển và có giấy chứng nhận kiểm dịch thú y theo quy định cho từng lô hàng, cung cấp giấy kiểm định khi giao hàng (Nhà thầu cam kết trong trường hợp Chủ đầu tư có yêu cầu nhà thầu phải xuất trình). Nhà thầu cam kết cung cấp đầy đủ hàng hóa vào mỗi ngày (cả ngày Thứ 7, Chủ nhật và ngày Lễ, Tết) trước 07 giờ 00 phút sáng theo yêu cầu đặt hàng của Chủ đầu tư. Trường hợp giao hàng chậm trễ, nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm. Nhà thầu cam kết thu hồi và đổi hàng hóa trong trường hợp đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng, không đúng chủng loại hoặc hàng hóa không còn nguyên bao bì, hàng hóa không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và thời gian cung cấp hàng hóa trong vòng 01 giờ sau khi nhận được yêu cầu thu hồi và đổi hàng hóa và chịu mọi chi phí phát sinh.**							
1.	Bò tái mềm	kg	180	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/	Việt Nam	2027 trở về sau	Thịt có màu đỏ tươi, thớ thịt nhỏ, mềm, cắt thành từng miếng theo yêu cầu. Đóng	357.000	64.260.000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Xuất xứ của hàng hóa	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn giá đã bao gồm thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế VAT
				Nhà phân phối			hộp/gói có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Không cung cấp hàng đông lạnh sẵn.		
2.	Cá basa khúc đặc	kg	400	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Cá basa cắt khúc đặc (khúc giữa thân cá), không bị vết xước, thịt cá tươi, chắc, có độ đàn hồi, không có mùi hôi và màu sắc tươi sáng. Cá đã được sơ chế làm sạch trước khi giao hàng (đã đánh vảy, bỏ mang, nội tạng và làm sạch máu, rửa sạch). Đóng hộp/gói có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Không cung cấp hàng đông lạnh sẵn.	73.400	29.360.000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Xuất xứ của hàng hóa	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn giá đã bao gồm thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế VAT
3.	Cá basa phi lê	kg	150	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Cá basa phi lê lấy phần thịt, không xương, miếng cá có màu hồng nhạt hoặc trắng ngà, thịt săn chắc, có độ đàn hồi và không có mùi hôi. Đóng hộp/gói có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Không cung cấp hàng đông lạnh sẵn.	117.600	17.640.000
4.	Cá diêu hồng đã làm sạch	kg	300	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Cá diêu hồng nguyên con, thịt chắc, có màu hồng tươi. Loại 0,8 đến 1 kg/con. Cá đã được sơ chế làm sạch trước khi giao hàng (đã đánh vảy, bỏ mang, nội tạng và làm sạch máu, rửa sạch). Đóng hộp/gói có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Không cung cấp hàng đông lạnh sẵn.	89.300	26.790.000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Xuất xứ của hàng hóa	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn giá đã bao gồm thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế VAT
5.	Cá lóc bông phi lê	kg	220	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Cá lóc bông phi lê lấy phần thịt, không xương, thịt cá có màu hồng nhạt, thịt chắc, không bị nhớt. Đóng hộp/gói có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Không cung cấp hàng đông lạnh sẵn.	257.300	56.606.000
6.	Cốt lết heo cắt miếng	kg	240	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Thịt cốt lết heo tươi cắt thành miếng đồng đều, có màu hồng nhạt, tươi sáng, không bị tái nhợt và có độ đàn hồi khi ấn vào (mặt ngoài khô không bị nhớt). Đóng hộp/gói có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Không cung cấp hàng đông lạnh sẵn.	152.300	36.552.000
7.	Gan heo	kg	16	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Gan heo tươi, nguyên miếng, có màu đỏ tươi, bề mặt mịn và không có mùi hôi. Đóng hộp/gói có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói,	57.800	924.800

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Xuất xứ của hàng hóa	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn giá đã bao gồm thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế VAT
							hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Không cung cấp hàng đông lạnh sẵn .		
8.	Lươn không đầu đã làm sạch	kg	7	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Lươn nguyên con, không bị vết xước, còn tươi. Loại 0,3 đến 0,5 kg/con. Lươn đã được sơ chế làm sạch trước khi giao hàng (bỏ đầu, nội tạng và làm sạch máu, rửa sạch nhớt). Đóng hộp/gói có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Không cung cấp hàng đông lạnh sẵn.	356.000	2.492.000
9.	Thịt heo nạc dăm	kg	3.100	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Thịt heo nạc dăm tươi, nguyên tảng (phần thịt vai có xen mỡ tự nhiên) có màu đỏ tươi hoặc hồng nhạt, không có mùi hôi và có độ săn chắc, đàn hồi tốt. Đóng hộp/gói có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối	207.900	644.490.000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Xuất xứ của hàng hóa	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn giá đã bao gồm thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế VAT
							lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Không cung cấp hàng đông lạnh sẵn.		
10.	Tôm sú	kg	180	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Tôm sú tươi nguyên con, có vỏ tươi sống, chắc và có màu sắc tươi sáng. Loại 30 đến 40 con/kg. Đóng hộp/gói có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Không cung cấp hàng đông lạnh sẵn.	209.900	37.782.000
11.	Đùi tỏi gà	kg	700	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Đùi gà tươi (phần đùi dưới của gà, không bao gồm má đùi), thịt có lớp da vàng óng, săn chắc và có độ đàn hồi tốt. Loại 5 đến 6 cái/1 kg. Đóng hộp/gói có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Không cung cấp hàng đông lạnh sẵn.	112.400	78.680.000
12.	Ức gà phi lê không da	kg	165	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/	Việt Nam	2027 trở về sau	Ức gà tươi còn nguyên miếng, đã lọc xương, bỏ da hoàn toàn, có màu hồng tươi, bề mặt hơi	109.200	18.018.000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Xuất xứ của hàng hóa	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn giá đã bao gồm thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế VAT
				Nhà phân phối			bóng, không bị nhão. Loại 5 đến 6 miếng/1 kg. Đóng hộp/gói có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Không cung cấp hàng đông lạnh sẵn.		
II	**THỰC PHẨM CHẾ BIẾN**	**Yêu cầu chung: Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, được làm từ nguyên liệu tươi, có xuất xứ rõ ràng, không ươn/hư; không sử dụng chất phụ gia bị cấm cho thực phẩm hoặc chất phụ gia chưa được phép sử dụng hoặc sử dụng chất phụ gia vượt quá tỷ lệ quy định; còn hạn sử dụng tối thiểu 08 tháng tính từ thời điểm hàng hóa được giao tại bệnh viện đối với những hàng hóa có hạn sử dụng trên 12 tháng, đối với những hàng hóa có hạn dùng dưới 12 tháng thì hạn dùng tối thiểu bằng 1 phần 2 (1/2) hạn dùng còn lại của hàng hóa khi được giao đến Bệnh viện. Nhà thầu cam kết cung cấp đầy đủ hàng hóa vào mỗi ngày (cả ngày Thứ 7, Chủ nhật và ngày Lễ, Tết) trước 07 giờ 00 phút sáng theo yêu cầu đặt hàng của Chủ đầu tư. Trường hợp giao hàng chậm trễ, nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm. Nhà thầu cam kết thu hồi và đổi hàng hóa trong trường hợp đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng, không đúng chủng loại hoặc hàng hóa không còn nguyên bao bì, hàng hóa không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và thời gian cung cấp hàng hóa trong vòng 01 giờ sau khi nhận được yêu cầu thu hồi và đổi hàng hóa và chịu mọi chi phí phát sinh.**							
13.	Chả cá basa	kg	35	Nhãn hiệu ANFISH, Công ty	Việt Nam	2027 trở về sau	Khối lượng: 500g/gói. Thành phần: Thịt cá basa tươi, không có xương. Chả có màu sáng, hồng nhạt, không có mùi tanh	47.800	1.673.000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Xuất xứ của hàng hóa	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn giá đã bao gồm thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế VAT
				TNHH TM Thoại An			và có độ dai tự nhiên, không bị bở, không lẫn tạp chất và xương cá. Đóng hộp/gói có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.		
14.	Giò sống	kg	20	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Được làm từ 70% đến 80% thịt heo tươi, có màu hồng nhạt, quyện thành khối dẻo, mịn, độ dai tự nhiên, không bị bở, không bị lẫn tạp chất, không có mùi hôi. Đóng hộp/gói có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	167.500	3.350.000
15.	Phô mai	Hộp	10	Nhãn hiệu Vinamilk, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Việt Nam	2027 trở về sau	Loại 8 viên/hộp và khối lượng 120g. Thành phần: sữa bò tươi, chất béo sữa, phô mai, nước, sữa bột, đạm sữa và các chất phụ gia thực phẩm (nếu có).	32.500	325.000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Xuất xứ của hàng hóa	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn giá đã bao gồm thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế VAT
							Sản phẩm nguyên bao bì của nhà sản xuất. Đóng hộp có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.		
16.	Xúc xích	Cây	50	Nhãn hiệu Vissan, Công ty Cổ phần Việt Nam kỹ nghệ súc sản	Việt Nam	2027 trở về sau	Xúc xích tiệt trùng vị heo. Loại 35g/cây. Thành phần: thịt nạc heo, mỡ cá, tinh bột bắp, đường, muối, tiêu và các phụ gia thực phẩm (nếu có). Đóng gói có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	4.500	225.000
17.	Đậu hũ trắng/ Đậu hũ chiên miếng	Hộp	1.750	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Cung cấp Đậu hũ trắng (đậu hũ tươi) hoặc Đậu hũ chiên theo yêu cầu của Chủ đầu tư trong từng đợt giao hàng. Loại 100g/1 miếng. Đóng hộp/ gói, có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử	6.600	11.550.000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Xuất xứ của hàng hóa	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn giá đã bao gồm thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế VAT
							dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. - Đậu hũ trắng (đậu hũ tươi) có màu trắng đặc trưng, thơm nhẹ mùi đậu nành, không có màu sắc và mùi lạ. - Đậu hũ chiên được chế biến từ đậu hũ trắng được chiên bằng dầu thực vật, không bị cháy xém.		
III	**RAU CỦ QUẢ**	**Nhà thầu cam kết cung cấp đầy đủ hàng hóa vào mỗi ngày (cả ngày Thứ 7, Chủ nhật và ngày Lễ, Tết) trước 07 giờ 00 phút sáng theo yêu cầu đặt hàng của Chủ đầu tư. Trường hợp giao hàng chậm trễ, nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm. Nhà thầu cam kết thu hồi và đổi hàng hóa trong trường hợp đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng, không đúng chủng loại hoặc hàng hóa không còn nguyên bao bì, hàng hóa không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và thời gian cung cấp hàng hóa trong vòng 01 giờ sau khi nhận được yêu cầu thu hồi và đổi hàng hóa và chịu mọi chi phí phát sinh.**								
18.	Bí xanh nguyên trái	kg	180	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Bí xanh nguyên trái. Trọng lượng 400 đến 600g/trái, hàng mới còn tươi, vỏ có màu xanh căng mọng, có lớp lông tơ mịn, không thối hỏng. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối	28.200	5.076.000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Xuất xứ của hàng hóa	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn giá đã bao gồm thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế VAT
							lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.		
19.	Bí đỏ gọt vỏ	kg	175	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Bí đỏ quả tròn, đã gọt sạch vỏ. Trọng lượng 1 đến 2kg/trái, hàng mới, màu sắc tươi sáng, không thối hỏng. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	58.700	10.272.500
20.	Bạc hà (dọc mùng) nguyên	kg	30	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Bạc hà (dọc mùng) nguyên bẹ hoặc cắt khúc. Có màu xanh, hàng mới còn tươi, không úa, không thối hỏng. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	36.800	1.104.000
21.	Bầu dài nguyên trái	kg	350	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Bầu dài nguyên trái. Trọng lượng 500 đến 600g/trái, hàng mới có màu xanh tươi, không dập nát, khi sờ vào cảm thấy mềm mịn và có lông tơ. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử	26.100	9.135.000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Xuất xứ của hàng hóa	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn giá đã bao gồm thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế VAT
							dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.		
22.	Bắp cải trắng nguyên	kg	270	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Bắp cải trắng nguyên cây, có màu trắng, hàng mới màu sắc tươi sáng, không có lá úa, thối hỏng. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	18.800	5.076.000
23.	Cà chua	kg	190	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Cà chua Đà lạt. Loại 8 đến 12 trái/kg. Hàng mới còn tươi,có vỏ ngoài láng mịn, căng mọng, màu đỏ tươi, còn cứng. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	27.300	5.187.000
24.	Cà rốt gọt vỏ	kg	150	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Cà rốt được gọt sạch vỏ. Loại 04 đến 06 củ/kg, thịt cà rốt tươi, mịn, không bị sần sùi hay có vết cắt, vết thâm đen, không thối hỏng. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng,	40.800	6.120.000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Xuất xứ của hàng hóa	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn giá đã bao gồm thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế VAT
							đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.		
25.	Cà rốt cắt sợi	kg	115	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Cà rốt tươi được gọt vỏ, cắt sợi theo yêu cầu, sợi đều và không bị nát, giữ được độ giòn tự nhiên của cà rốt, không thối hỏng. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	40.800	4.692.000
26.	Cải ngọt cắt gốc	kg	390	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Cải ngọt được cắt gốc, lá có màu xanh tươi, lá mướt, không có lá úa, không thối hỏng. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	40.600	15.834.000
27.	Cải nhún cắt gốc	kg	175	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Cải nhún được cắt gốc, lá có màu xanh tươi , không có lá vàng úa, không bị dập nát, không thối hỏng. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	75.000	13.125.000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Xuất xứ của hàng hóa	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn giá đã bao gồm thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế VAT
28.	Cải thìa cắt gốc	kg	230	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Cải thìa được cắt gốc, lá có màu xanh tươi, lá mượt, trơn láng, không bị dập nát, không có lá úa, không thối hỏng. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	44.900	10.327.000
29.	Cải bẹ xanh cắt gốc	kg	165	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Cải bẹ xanh được cắt gốc, hàng mới có màu xanh tươi, không bị vàng úa, không thối hỏng. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	42.000	6.930.000
30.	Cần tàu (cần ta) cắt gốc	kg	3	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Cần tàu (cần ta) được cắt gốc, hàng mới còn tươi, không có lá úa, không thối hỏng. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	70.900	212.700
31.	Củ cải trắng	kg	65	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/	Việt Nam	2027 trở về sau	Loại 04 đến 06 củ/kg, vỏ nhẵn bóng có màu trắng, không bị sần sùi hay có vết cắt, vết thâm	25.700	1.670.500

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Xuất xứ của hàng hóa	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn giá đã bao gồm thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế VAT
				Nhà phân phối			đen, không thối hỏng. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.		
32.	Củ sắn gọt vỏ	kg	35	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Củ sắn được gọt sạch vỏ. Loại 06 đến 08 củ/kg, hàng mới còn tươi, vỏ có màu nâu sáng và không bị dập nát, thối hỏng. Đóng gói, có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	19.800	693.000
33.	Dưa leo	kg	45	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Loại 06 đến 10 quả/kg, hàng mới có màu xanh tươi sáng, đều màu, không bị thâm hay ố vàng, còn cứng, có hình dáng thon dài. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	36.200	1.629.000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Xuất xứ của hàng hóa	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn giá đã bao gồm thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế VAT
34.	Giá	kg	180	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Giá đậu xanh. Hàng mới còn tươi, có màu trắng ngà, không quá trắng bóc, không ngâm hóa chất, không thối hỏng. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	14.500	2.610.000
35.	Gừng bào sợi	kg	6	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Gừng tươi được gọt vỏ và thái thành những sợi mỏng, hàng mới còn tươi, có màu vàng sáng. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	60.800	364.800
36.	Hành hương (hành lá)	kg	60	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Hàng có màu xanh đậm, tươi, không bị héo úa hay vàng, không thối hỏng. Củ có màu trắng, không bị thâm đen. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	89.300	5.358.000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Xuất xứ của hàng hóa	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn giá đã bao gồm thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế VAT
37.	Hành tây trắng	kg	175	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Loại 5 đến 7 củ/ kg, lột vỏ, hàng mới, tươi, cứng, không có dấu hiệu mọc mầm. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	44.600	7.805.000
38.	Hành tím bào	kg	80	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Hành hương tím được bào mỏng thành từng lát, hàng mới có màu tím tươi, cứng. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	180.000	14.400.000
39.	Hẹ lá cắt gốc	kg	70	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Hẹ lá được cắt gốc, hàng mới có màu xanh tươi, cọng hẹ non, không bị dai, không có lá úa, không thối hỏng. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	83.000	5.810.000
40.	Khoai lang nhật củ vừa	kg	390	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/	Việt Nam	2027 trở về sau	Loại củ vừa 04 đến 5 củ/kg, hàng mới còn tươi, có vỏ mịn, màu đỏ đậm, ruột vàng tươi, củ	41.900	16.341.000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Xuất xứ của hàng hóa	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn giá đã bao gồm thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế VAT
				Nhà phân phối			cứng. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.		
41.	Khoai môn cao gọt vỏ	kg	50	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Khoai môn cao được gọt sạch vỏ, củ cứng, tươi, màu sắc tươi sáng và có nhiều vân tím, không thối hỏng. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	58.800	2.940.000
42.	Khoai mỡ gọt vỏ	kg	135	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Khoai mỡ được gọt sạch vỏ, hàng mới còn tươi, không thối hỏng. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	84.000	11.340.000
43.	Khoai tây gọt vỏ	kg	110	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Khoai tây được gọt sạch vỏ, hàng mới còn tươi, không bị dập, thâm hoặc mọc mầm. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	45.000	4.950.000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Xuất xứ của hàng hóa	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn giá đã bao gồm thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế VAT
44.	Me vắt	kg	5,5	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Me chua được đóng thành hộp, khối lượng 68g. Có màu nâu cánh dán, không bị đen sậm. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	5.800	31.900
45.	Mướp hương	kg	55	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Trọng lượng 400 đến 600g/trái, vỏ có màu xanh thẫm, vỏ láng mịn, không bị sần sùi và có mùi thơm đặc trưng. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	31.400	1.727.000
46.	Ngò gai	kg	3	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Hàng mới, có màu xanh tươi, không có lá úa, có mùi thơm, không thối hỏng. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	72.500	217.500

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Xuất xứ của hàng hóa	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn giá đã bao gồm thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế VAT
47.	Ngò rí	kg	40	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Hàng mới có màu xanh tươi, không bị đạp nát, héo úa, không thối hỏng. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	93.500	3.740.000
48.	Nấm bào ngư	kg	6,5	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Hàng mới còn tươi, không thối hỏng. mũ nấm dày, thân nấm chắc, đàn hồi tốt và có mùi thơm đặc trưng. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	98.600	640.900
49.	Nấm mèo	kg	3	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Nấm mèo sấy khô. Hàng mới còn tươi, màu sắc nâu đen, tai nấm to và dày, có mùi thơm và không có mùi bị ẩm mốc. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	407.400	1.222.200

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Xuất xứ của hàng hóa	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn giá đã bao gồm thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế VAT
50.	Rau dền lặt lá	kg	20	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Rau dền cắt gốc, được loại bỏ những lá không đạt yêu cầu giữ lại loại lá non, xanh tươi để chế biến, không bị dập nát hay có dấu hiệu bị sâu, không có lá úa, không thối hỏng. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	170.000	3.400.000
51.	Rau muống cắt gốc	kg	145	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Rau muống cắt gốc, hàng mới còn tươi, không có lá úa, không thối hỏng. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	28.200	4.089.000
52.	Rau mồng tơi lặt lá	kg	220	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Rau mồng tơi cắt gốc, được loại bỏ những lá không đạt yêu cầu giữ lại loại lá non, xanh tươi để chế biến, không bị dập nát hay có dấu hiệu bị sâu, không có lá úa, không thối hỏng. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói,	179.800	39.556.000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Xuất xứ của hàng hóa	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn giá đã bao gồm thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế VAT
							hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.		
53.	Rau om	kg	4,5	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Hàng mới có thân và lá tươi xanh, không có lá úa, không thối hỏng. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	74.600	335.700
54.	Su su gọt	kg	230	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Su su được gọt sạch vỏ, hàng mới còn tươi, không bị dập nát, thối hỏng. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	52.400	12.052.000
55.	Su su cắt sợi	kg	120	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Su su tươi được gọt sạch vỏ và cắt sợi theo yêu cầu, hàng mới còn tươi, sợi cứng không bị dập nát. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	52.400	6.288.000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Xuất xứ của hàng hóa	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn giá đã bao gồm thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế VAT
56.	Sả bằm	kg	3	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Sả được bằm nhỏ hoặc xay nhuyễn, hàng mới còn tươi, sả băm tươi, có mùi thơm đặc trưng, không bị vón cục. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	228.900	686.700
57.	Thơm gọt vỏ	trái	75	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Thơm được gọt sạch vỏ, khoét các mắt, hàng mới còn tươi, không thối hỏng. Loại 400 đến 600g/trái. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	30.000	2.250.000
58.	Tần ô cắt gốc	kg	150	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Tần ô cắt gốc, lá có màu xanh đậm, dày lá, thân cứng, có độ mềm giòn, mọng nước, không có lá úa. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	55.500	8.325.000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Xuất xứ của hàng hóa	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn giá đã bao gồm thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế VAT
59.	Tỏi nguyên củ	kg	22	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Tỏi ta nguyên củ, vỏ ngoài căng bóng, không bị nứt, không thối hỏng. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	132.800	2.921.600
60.	Đậu bắp	kg	40	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Hàng tươi có màu xanh bóng, lớp lông tơ mỏng, không bị thâm đen, không thối hỏng. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	37.700	1.508.000
61.	Đậu trắng luộc	kg	6	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Đậu trắng được luộc chín, còn nguyên hạt, không có màu sắc và mùi lạ. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	251.000	1.506.000
62.	Đậu đũa	kg	130	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/	Việt Nam	2027 trở về sau	Hàng mới có màu xanh tươi, còn non và chắc, không thối hỏng. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói,	41.900	5.447.000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Xuất xứ của hàng hóa	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn giá đã bao gồm thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế VAT
				Nhà phân phối			hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.		
IV	**THỰC PHẨM KHÔ**	**Yêu cầu chung: Còn nguyên bao bì của nhà sản xuất, ngày sản xuất còn mới. Bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, còn hạn sử dụng tối thiểu 08 tháng tính từ thời điểm hàng hóa được giao tại bệnh viện đối với những hàng hóa có hạn sử dụng trên 12 tháng, đối với những hàng hóa có hạn dùng dưới 12 tháng thì hạn dùng tối thiểu bằng 1 phần 2 (1/2) hạn dùng còn lại của hàng hóa khi được giao đến Bệnh viện. Nhà thầu cam kết cung cấp đầy đủ hàng hóa vào mỗi ngày (cả ngày Thứ 7, Chủ nhật và ngày Lễ, Tết) trước 05 giờ 00 phút sáng theo yêu cầu đặt hàng của Chủ đầu tư. Trường hợp giao hàng chậm trễ, nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm. Nhà thầu cam kết thu hồi và đổi hàng hóa trong trường hợp đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng, không đúng chủng loại hoặc hàng hóa không còn nguyên bao bì, hàng hóa không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và thời gian cung cấp hàng hóa trong vòng 01 giờ sau khi nhận được yêu cầu thu hồi và đổi hàng hóa và chịu mọi chi phí phát sinh.**							
63.	Bánh mì lạt	ổ	2.850	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Bánh mì có lớp vỏ ngoài vàng nâu, giòn và mỏng, bên trong ruột mềm, xốp và nhẹ. Trọng lượng tối thiểu 68g (1 ổ bánh mì nguyên phù hợp cho 1 khẩu phần ăn/ 1 người). Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	8.500	24.225.000
64.	Bún gạo	kg	170	Nhãn hiệu Wai Wai, Công ty Wai Wai Food	Thái Lan	2027 trở về sau	Thành phần: gạo, nước. Bún có độ dai và không bị nát khi nấu. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói,	95.000	16.150.000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Xuất xứ của hàng hóa	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn giá đã bao gồm thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế VAT
				Products Public Company Limited			hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.		
65.	Bột gạo	gói	10	Nhãn hiệu Tài ký, Công ty Cổ phần Bột - Thực phẩm Tài ký	Việt Nam	2027 trở về sau	Thành phần: Bột gạo. Bột dạng khô, nghiền mịn, màu trắng tự nhiên, tơi xốp, có mùi thơm đặc trưng của gạo, không vón cục, không lẫn tạp chất. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Trọng lượng: 400g/gói.	20.500	205.000
66.	Bột ngọt	kg	30	Nhãn hiệu Ajinomoto, Công ty Ajinomoto Việt Nam	Việt Nam	2027 trở về sau	Thành phần: Monosodium Glutamate không thấp hơn 99% (chất điều vị), không chứa chất gây hại. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Trọng lượng: 1 kg/gói.	69.000	2.070.000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Xuất xứ của hàng hóa	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn giá đã bao gồm thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế VAT
67.	Bột năng	gói	12	Nhãn hiệu Tài ký, Công ty Cổ phần Bột - Thực phẩm Tài ký	Việt Nam	2027 trở về sau	Thành phần: tinh bột khoai mì. Bột dạng khô, nghiền mịn, màu trắng tự nhiên, tơi xốp, có mùi thơm đặc trưng của gạo, không vón cục, không lẫn tạp chất. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Trọng lượng: 400g/gói.	18.000	216.000
68.	Dầu mè trắng	chai	20	Nhãn hiệu Dầu mè 100% nguyên chất Tường An , Công ty Cổ phần Dầu thực phẩm Tường An	Việt Nam	2027 trở về sau	Thành phần: 100% dầu mè nguyên chất tinh luyện. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Dung tích: 400ml/chai.	37.000	740.000
69.	Dầu ăn thực vật tinh luyện	chai	800	Nhãn hiệu CookingOil, Công ty Cổ phần Dầu thực phẩm Tường An	Việt Nam	2027 trở về sau	Thành phần: dầu olein, dầu đậu nành, dầu hạt cải tinh luyện, Vitamin A palmitale, không chứa hóa chất độc hại. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử	27.000	21.600.000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Xuất xứ của hàng hóa	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn giá đã bao gồm thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế VAT
							dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Dung tích: 1 lít/chai.		
70.	Gạo Thơm Lài	kg	5.500	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Thành phần: 100% giống Gạo thơm Lài. Mô tả: gạo mới; màu trắng tự nhiên; có hương nhẹ, mùi đặc trưng. Sau khi chín cơm dẻo, thơm. Yêu cầu: không sử dụng hương liệu, hóa chất độc hại, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; không bị ẩm, mốc, hư hỏng khi vận chuyển đến bệnh viện. Bao bì: được đóng trong bao bì với khối lượng 25kg/túi. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng.	18.400	101.200.000
71.	Miến dong vàng	kg	12	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Thành phần: tinh bột của củ dong riềng, không chứa chất gây hại, có độ dai vừa phải, không bị nát khi nấu và không có mùi lạ. Có thông tin nguồn	112.000	1.344.000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Xuất xứ của hàng hóa	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn giá đã bao gồm thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế VAT
							gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.		
72.	Muối I ốt	kg	110	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Muối ăn có bổ sung I ốt. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Trọng lượng: 1 kg/gói.	6.900	759.000
73.	Ngũ vị hương	gói	30	Nhãn hiệu Thiên Thành, Công ty TNHH Thiên Thành	Việt Nam	2027 trở về sau	Thành phần: Bột quế, bột đinh hương, đại hồi,… không chứa chất gây hại. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Trọng lượng: 10g/gói.	5.800	174.000
74.	Nui ống	gói	600	Nhãn hiệu Safoco, Công ty cổ phần lương thực thực phẩm Safoco	Việt Nam	2027 trở về sau	Thành phần: Bột gạo hoặc bột mì, trứng,… không chứa chất gây hại. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Trọng lượng: 400g/gói.	26.700	16.020.000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Xuất xứ của hàng hóa	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn giá đã bao gồm thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế VAT
75.	Nước mắm	chai	300	Nhãn hiệu Hưng Thịnh, Công ty TNHH sản xuất Kinh doanh nước mắm Hưng Thịnh	Việt Nam	2027 trở về sau	Thành phần: Nước mắm nguyên chất. Độ đạm tối thiểu 35 độ đạm,… không chứa chất gây hại. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Dung tích: tối thiểu 600ml/chai.	63.500	19.050.000
76.	Nước tương	chai	40	Nhãn hiệu Nhị ca Tam thái tử Chinsu, Công ty Cổ phần Masan Consumer	Việt Nam	2027 trở về sau	Thành phần: Nước, đậu nành, muối, đường,… không chứa chất gây hại. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Dung tích: tối thiểu 500ml/ chai.	22.000	880.000
77.	Sốt mayone	chai	15	Nhãn hiệu Sốt mayonaise Aji-mayo, Công ty Ajinomoto Việt Nam	Việt Nam	2027 trở về sau	Thành phần: Trứng, dầu, giấm, muối, đường,.. không chứa chất gây hại. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Dung tích: tối thiểu 260g/chai.	39.500	592.500

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Xuất xứ của hàng hóa	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn giá đã bao gồm thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế VAT
78.	Tiêu đen xay	kg	4	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Thành phần: 100% tiêu đen xay, không sử dụng chất cấm trong bảo quản thực phẩm, không bị mốc, hư hỏng. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	408.000	1.632.000
79.	Trứng gà	quả	9.500	Nhãn hiệu TAFA, Công ty TNHH Chăn nuôi TAFA Việt	Việt Nam	2027 trở về sau	Trứng gà tươi, sạch, hàng mới. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Trọng lượng: tối thiểu 55g/ quả. Quy cách đóng gói: 10 quả/vỉ.	3.300	31.350.000
80.	Tương cà	chai	185	Nhãn hiệu Cholimex, Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	Việt Nam	2027 trở về sau	Thành phần: Cà chua, đường, dấm, muối, … không chứa chất gây hại. Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Dung tích: tối thiểu 270ml/chai.	13.500	2.497.500

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Xuất xứ của hàng hóa	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn giá đã bao gồm thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế VAT
81.	Đường trắng	kg	150	Nhãn hiệu Đường tinh luyện Pure Biên Hòa, Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Biên Hòa	Việt Nam	2027 trở về sau	Thành phần: 100% đường mía Năng lượng: 399,6 kcal/100g Có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Trọng lượng: 1 kg/gói.	31.200	4.680.000
82.	Đậu xanh cà không vỏ	kg	30	Nhãn hiệu theo Nhà sản xuất/ Nhà phân phối	Việt Nam	2027 trở về sau	Đậu xanh đã bỏ vỏ, không nát, không bị mốc, không sử dụng chất cấm trong bảo quản thực phẩm, không bị mốc, hư hỏng. Thực phẩm có nhãn mác, có thông tin nguồn gốc xuất xứ, thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, khối lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	84.600	2.538.000
Tổng cộng *(Đã có VAT và các chi phí liên quan để thực hiện gói thầu)*									**1.543.587.800**